

(Laáp theo mẫu hồòùng ðaân tại công vaên soá 352/UBCK-PTTT ngaøy 14/07/2006 của
Uyû Ban Chòùng Khoaùn Nhaø Nôòùc)

Công ty CP Giống cây trồng miền Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Quý 4 - năm 2008)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		12/31/2008	1/1/2008
STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	115,598,518,200	92,057,553,084
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	44,586,571,201	23,486,554,150
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31,904,343	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	21,677,710,098	26,808,917,434
4	Hàng tồn kho	46,711,465,996	40,171,450,034
5	Tài sản ngắn hạn khác	2,590,866,563	1,590,631,466
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	53,976,670,269	64,190,765,203
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	49,956,132,157	50,814,265,694
	- TSCĐ hữu hình	21,205,002,097	20,115,236,636
	- TSCĐ vô hình	28,582,340,710	28,502,660,736
	- TSCĐ thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	168,789,350	2,196,368,322
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11,000,000	9,477,650,000
5	Tài sản dài hạn khác	4,009,538,112	3,898,849,509
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	169,575,188,469	156,248,318,287
IV	NỢ PHẢI TRẢ	30,271,198,148	30,945,584,505
1	Nợ ngắn hạn	24,379,300,224	24,037,745,429
2	Nợ dài hạn	5,891,897,924	6,907,839,076
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	139,303,990,321	125,302,733,782
1	Vốn chủ sở hữu	138,828,956,145	124,934,850,105
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000	100,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	528,054,000	528,054,000
	- Cổ phiếu quỹ	(2,728,050,000)	(9,800,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các Quỹ	30,127,179,782	22,409,042,679
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10,901,772,363	2,007,553,426
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-

2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	475,034,176	367,883,677
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	475,034,176	367,883,677
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	169,575,188,469	156,248,318,287

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/08	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	46,066,932,467	212,300,513,178
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,973,439,368	10,197,291,763
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43,093,493,099	202,103,221,415
4	Giá vốn hàng bán	32,512,224,377	134,505,807,411
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,581,268,722	67,597,414,004
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,819,614,107	4,558,023,291
7	Chi phí tài chính	1,108,644,176	2,984,030,430
8	Chi phí bán hàng	2,633,008,783	15,753,574,192
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,799,073,733	19,608,110,100
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,860,156,137	33,809,722,573
11	Thu nhập khác	10,808,880	60,290,048
12	Chi phí khác	1,000,000	36,272,697
13	Lợi nhuận khác	9,808,880	24,017,351
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,869,965,017	33,833,739,924
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	321,369,871	3,423,533,406
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,548,595,146	30,410,206,518

Ngày 19 tháng 01 năm 2009

Tổng giám đốc

Hàøng Phi Quang